TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-PT
Ngày 12 -01-2018
V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đóng cọc bê tông.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Dũng

Ông Bùi Xuân Lai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Ngoc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLPT-KDTM ngày 16/10/2017 về tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kinh tế thi công đóng cọc bê tông.

Do bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 02/2017/KDTM-ST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu , tỉnh Nam Định bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **03/2017/QĐXX-PT ngày 17/01/2018.**

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần L; địa chỉ: Tòa nhà L, đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần L- Nền móng xây dựng.

- *Người đại diện theo ủy quyền:*

1. Ông Lê Đình V;

2. Ông Nguyễn Anh N;

3. Ông Nguyễn Ngọc Đ.

Cùng địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà P số 102 phố T, phường T1, quận Đ, thành phố Hà Nội. Theo văn bản ủy quyền số 35/2014/UQ ngày 03/9/2014.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T; địa chỉ: Tổ dân phố số 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Khánh T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đình Đ1 - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T. Theo văn bản ủy quyền số 09/UQ ngày 28/10/2017.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H; địa chỉ trụ sở chính tại km 102 + 180, quốc lộ 10, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Hoàng A - Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H.

2. Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy V (nay là Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy, tên giao dịch SBIC); địa chỉ trụ sở chính tại số 172 N, quận B, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Cao Thành Đ - Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Ánh N - Chức vụ: Phó trưởng Ban Luật và Hợp tác quốc tế Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy. Theo văn bản ủy quyền số 534/UQ-CNT ngày 27/3/2017.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T.

Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-KDTM ngày 17/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông V, ông Đ có mặt. Vắng mặt bà N, ông A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làCông ty cổ phần L trình bày:

Ngày 02/01/2008, Công ty Cổ phần L (sau đây viết tắt là Công ty L) và Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H 05 (sau đây viết tắt là Công ty H 05) nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T (sau đây viết tắt là Công ty T) ký kết hợp đồng kinh tế số 18/HĐKT/LICOGI13-FC/2008) về việc thi công đóng cọc bê tông cốt thép, dự án nhà máy đóng tàu Thịnh Long cơ sở 2 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định. Giá trị hợp đồng là 2.400.000.000đ, có nội dung tóm tắt là: Về thanh toán hợp đồng: Công ty H 05 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo các đợt, cụ thể:

Tạm ứng: Sau khi ký hợp đồng, Công ty H 05 tập kết cọc vào vị trí đóng cọc, Công ty L tập kết thiết bị máy móc xuống công trình và bắt đầu thi công

đóng cọc, thì Công ty H 05 sẽ tạm ứng cho Công ty L số tiền tương ứng với 10% tổng giá trị hợp đồng đã ký kết.

Thanh toán: Vào ngày 05 hàng tháng, Công ty H 05 và Công ty L cùng nhau làm biên bản xác nhận khối lượng Công ty L đã thực hiện được của tháng trước. Công ty H 05 sẽ thanh toán cho Công ty L là 90% giá trị trong vòng 10 ngày, kể từ ngày Công ty L xuất hóa đơn giá trị gia tăng và công văn đề nghị chuyển tiền cho Công ty H 05 theo biên bản nghiệm thu khối lượng đã ký.

Quyết toán: Sau khi kết thúc công trình, hai bên làm biên bản tổng nghiệm thu khối lượng, thanh lý hợp đồng, Công ty H 05 sẽ thanh toán hết giá trị hợp đồng còn lại cho Công ty L, trong vòng 45 ngày kể từ ngày hai bên ký thanh lý hợp đồng và bàn giao công trình cho Công ty H 05.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty L đã bàn giao cho Công ty H 05 đúng hạn, đầy đủ số lượng, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 02/6/2008 Công ty H 05 và Công ty L tiến hành ký biên bản thanh lý hợp đồng số 360/HĐKT/LICOGI13-FC/2008 theo đó hai bên xác nhận Công ty H 05 còn nợ Công ty L là 491.333.799đ.

Liên tục, từ đầu năm 2010 đến nay, Công ty L nhiều lần gửi công văn yêu cầu thanh toán giá trị hợp đồng còn lại, nhưng không nhận được sự phản hồi nào, cũng như không nhận được tiền thanh toán từ Công ty H 05. Hiện nay, Công ty H 05 đã chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T. Tuy nhiên, Công ty L không nhận được thông báo nào từ phía Công ty T về sự chuyển đổi này cũng như kế hoạch thanh toán số tiền còn nợ là 491.333.799đ. Nay Công ty L đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty L số tiền còn nợ 491.333.799đ và tiền lãi tính từ ngày 18/7/2008 là sau 45 ngày, kể từ ngày hai bên ký thanh lý hợp đồng kinh tế và bàn giao công trình cho đến nay.

Tại các văn bản và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Công ty H 05 trước đây là Công ty cổ phần, có vốn góp của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H (sau đây viết tắt là Công ty H), sau khi Công ty H mua lại cổ phần của các cổ đông trong Công ty H 05. Ngày 22/9/2011 Đại hội cổ đông Công ty H ra Quyết định chuyển Công ty H 05, thành Công ty T và chuyển toàn bộ các tài sản và công nợ của Công ty H 05 về Công ty mẹ là Công ty H. Ngày 06/10/2011 Đại hội cổ đông Công ty H ra Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ-HA về việc góp vốn bằng tài sản dự án Công ty T, T 02, 04 sản phẩm tàu và một số tài sản đầu tư vào Công ty T. Tại Điều 2 của Nghị quyết nêu, Công ty T chỉ có nghĩa vụ tiếp nhận các khoản nợ liên quan đến tài sản góp vốn tương ứng với các khoản nợ vay của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam nay là Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy (sau đây viết tắt là Tổng công ty tàu thủy), các ngân hàng, tổ chức tín dụng (không nhận nợ phải trả của các nhà thi công, nhà cung cấp). Ngày 07/10/2011, Công ty H đã bàn giao tài sản xuống cho Công ty T. Khi đó, Công ty T là đơn vị thuộc sở hữu 100% vốn của Công ty H. Ngày 02/11/2011, Công ty H ký Hợp đồng chuyển nhượng số 5636/HĐCN-CNT về việc chuyển 100% vốn

điều lệ từ Công ty H sang cho Tổng công ty tàu thủy. Theo biên bản bàn giao ngày 25/12/2011 giữa Công ty H, Tổng công ty tàu thủy, Ban lãnh đạo mới Công ty T được Tổng công ty tàu thủy bổ nhiệm và Ban lãnh đạo Công ty T cũ do Công ty H bổ nhiệm. Tại Điều khoản 3.5 ghi: "Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các số liệu thể hiện trên Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV đóng tàu T tại thời điểm 10/10/2011 đều thuộc trách nhiệm của Công ty CP CNTT H, không thuộc trách nhiệm của Tập đoàn CNTT Việt Nam". Nên việc L đòi nợ Công ty T là không có căn cứ pháp lý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Tại công văn số 94/CV-HA ngày 04/01/2016, Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H trình bày:

Theo sổ sách kế toán của Công ty H 05 tại thời điểm trước khi chuyển đổi thành Công ty T, thì Công ty H 05 còn nợ Công ty L là 491.333.799đ. Thực hiện theo sự chỉ đạo của Tổng công ty tàu thủy thì Công ty H và Công ty H 05 thống nhất chuyển giao toàn bộ công nợ của Công ty H 05 về Công ty mẹ là Công ty H, kể từ đó trên sổ sách kế toán của Công ty H vẫn thể hiện khoản công nợ trên đối với Công ty L.

Tại văn bản ngày 27 tháng 3 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án Tổng công ty công nghiệp tàu thủy, người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Nhất trí với những lời khai và yêu cầu của bị đơn. Và trình bày bổ sung ngày 02/11/2011, Công ty H và Tổng công ty tàu thủy ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 5636/HĐCN-CNT. Theo đó, Tổng công ty tàu thủy nhận chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty T do Công ty H là chủ sở hữu. Ngày 25/12/2011, Công ty H và Tổng công ty tàu thủy, Công ty T ký biên bản bàn giao, tiếp nhận Công ty T. Hiện tại, Công ty T do Tổng công ty tàu thủy sở hữu 100% vốn điều lệ. Đại diện Tổng công ty tàu thủy, thấy đây là tranh chấp phát sinh giữa Lvới Công ty T (hoặc Công ty H) không liên quan gì đến Tổng công ty tàu thủy, đề nghị Tòa án không đưa Tổng công ty tàu thủy vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Còn việc tranh chấp giữa Công ty L, Công ty T và Công ty H, Tổng công ty tàu thủy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 02/2017/KDTM-ST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huy ện Hải Hậu , tỉnh Nam Định quyết định. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 76 Luật xây dựng năm 2003; khoản 1, khoản 2 Điều 190; khoản 4 Điều 197 Luật doanh nghiệp năm 2014; các Điều 121, 122, 286, 290 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T phải thanh toán cho Công ty cổ phần L- Nền móng xây dựng số tiền 889.682.676đ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T phải chịu 38.690.000đ.

Hoàn trả lại cho cho Công ty cổ phần L- Nền móng xây dựng số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 11.800.000đ tại biên lai số BB/2012/06885 ngày 15/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả do người thi hành án chậm thi hành án và biện pháp thi hành án.

Ngày 4/8/2017 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết các việc sau đây: Mời đại diện Tổng công ty công nghiệp tàu thủy và Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H. Công ty H phải chịu trách nhiệm về khoản nợ với công ty cổ phần Công ty L.

Ngày 17/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-KDTM kháng nghị bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 02/2017/KDTM-ST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với nội dung:

Cấp sơ thẩm thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng kinh tế về thi công đóng cọc bê tông cốt thép giữa Công ty cổ phần L- Nền móng xây dựng với Công ty TNHH MTV đóng tàu T, khi đã hết thời hiệu khởi kiện là vi phạm điểm b khoản 3 Điều 159 BLTTDS năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011; điểm a khoản 5 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/HĐTP -TANDTC ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 319 Luật thương mại năm 2005.

Án sơ thẩm buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty L số tiền 889.682.676đ trong đó gốc là 491.333.799đ, lãi là 398.348.878đ là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty T. Vì thời hiệu giải quyết về tranh chấp hợp đồng kinh tế đã hết, Công ty Hoàng Anh 05 còn nợ Công ty L là 491.333.799đ, xác định đây là vụ án đòi nợ thông qua hợp đồng kinh tế. Theo điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/HĐTP-TANDTC ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với loại vụ kiện này không áp dụng thời hiệu khởi kiện nhưng không giải quyết yêu cầu thanh toán khoản lãi suất phát sinh do chậm trả.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại không có giá ngạch với mức là 2.000.000đ nhưng án sơ thẩm tuyên phải chịu là 38.690.000đ là không đúng quy định pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm theo hướng phân tích ở trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Công ty T trình bày: Khoản nợ của Công ty Lkhông được thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty T, mà thể hiện tại báo cáo tài chính của Công ty H. Khi Công ty T tiếp nhận bàn giao, không có khoản nợ của Công ty L. Nên Công ty T không có trách nhiệm phải thanh toán khoản nợ này.

Công ty Licogi 13 trình bày: Việc chuyển nợ của Công ty L giữa Công ty H 05 và Công ty H là thỏa thuận hai bên chưa được sự nhất trí của Công ty L. Công ty H 05 chuyển đổi thành Công ty T. Nên không chấp nhận kháng cáo của Công ty T.

Về thời hiệu: Quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết là ai có nghĩa vụ thanh toán, Viện kiểm sát tỉnh Nam Định không có quyền kháng nghị về thời hiệu vì theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện thuộc về các bên có tranh chấp.

Về quan hệ pháp luật: Công ty L yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền phát sinh từ hợp đồng kinh tế, Viện kiểm sát tỉnh Nam Định xác định quan hệ pháp luật là đòi nợ là không đúng.

Về lãi suất chậm trả: Do Công ty T chậm thanh toán khoản tiền Công ty L đã thi công mà hai bên đã thống nhất tại biên bản thanh lý tài sản, nên Công ty T phải chịu lãi suất chậm trả là phù hợp pháp luật.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do Viện kiểm sát xác định quan hệ pháp luật sai nên dẫn đến tính án phí sai.

Do vậy, đề nghị buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty L tiền gốc là 491.333.799đ, tiền lãi từ 18/7/2008 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự , quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung , giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-KDTM ngày 17/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS bác kháng cáo của Công ty T, sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật; án phí và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà , Hội đồng xét xử xét kháng cáo của Công ty T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:

[1] Về thời hiệu giải quyết vụ án: Ngày 02/01/2008 Công ty L và Công ty H 05 ký kết hợp đồng kinh tế số 18/HĐKT/L-FC/2008 (sau đây viết tắt là hợp đồng số 18) về việc thi công đóng cọc bê tông cốt thép. Ngày 02/6/2008 hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng số 360/HĐKT/L-FC/2008 và xác nhận Công ty H 05 còn phải thanh toán cho Công ty L là 491.333.799đ theo đúng Điều 7 của hợp đồng. Hợp đồng số 18 và phụ lục hợp đồng kinh tế số 182/PLHDKT 2008 hết hiệu lực khi Công ty H 05 thanh toán dứt điểm số tiền 491.333.799đ. Như vậy, ngày 15/12/2015 Tòa án huyện Hải Hậu thụ lý vụ án thì thời hiệu giải quyết vụ án vẫn còn. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016, tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS năm 2015 quy định: Tòa án chỉ áp

dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên đối với yêu cầu điều kiện này phải được đưa ra trước khi Tòa án sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Đến ngày 21/7/2017 Tòa án huyện Hải Hậu đã mở phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kháng nghị cho rằng thời hiệu đã hết không được chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngày 02/01/2008 Công ty L và Công ty H 05 ký kết Hợp đồng số 18. Ngày 02/6/2008 hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng số 360/HĐKT/L-FC/2008 và đều xác nhận Công ty H 05 còn nợ Công ty L là 491.333.799đ. Sau đó, Công ty H 05 được chuyển đổi thành công ty T. Nay Công ty L khởi kiện buộc Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ 491.333.799đ và lãi suất do chậm thanh toán. Công ty T trình bày khi nhận bàn giao không có khoản nợ này nên không có nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kinh tế thi công đóng cọc bê tông cốt thép.

[3] Về nội dung: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty H 05 được thành lập ngày 12/12/2007 có 3 cổ đông sáng lập gồm: Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H (viết tắt là Công ty H) sở hữu 51% vốn góp; Công ty cổ phần vận tải biển H sở hữu 29% vốn góp; ông Nguyễn Văn T sở hữu 20% vốn góp. Ngày 9/9/2011 đại hội đồng cổ đông Công ty H 05 và ra quyết định số 01/QĐ-ĐHĐCĐ-HA05 ngày 9/9/2011 chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sáng lập của Công ty H 05 cho Công ty H và chuyển đổi Công ty H 05 thành Công ty TNHH một thành viên đóng tàu T (viết tắt là Công ty T). Tại khoản 3 Điều 2 quyết định đại hội đồng cổ đông Công ty H 05 quy định: "Công ty chuyển đổi được hưởng mọi quyền và lợi ích hợp pháp cũng như chịu trách nhiệm và mọi nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ chưa thanh toán… và các nghĩa vụ tài sản khác từ công ty được chuyển đổi". Ngày 02/01/2008 Công ty L và Công ty H 05 ký kết hợp đồng số 18. Ngày 02/6/2008 hai bên thanh lý hợp đồng và đều xác nhận Công ty H 05 còn nợ Công ty L là 491.333.799đ. Do Công ty T là Công ty chuyển đổi từ Công ty H 05 nên phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ của Công ty L. Ngày 09/9/2011 Công ty H 05 chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho Công ty H nhưng không thông báo cho Công ty L về việc chuyển nợ từ Công ty H 05 sang Công ty H . Theo khoản 1 Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định " Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý…". Như vậy, việc Công ty H 05 chuyển giao khoản nợ 491.333.799đ khi chưa được sự đồng ý của Công ty L nên không có giá trị pháp lý, do vậy buộc Công ty T phải thanh toán 491.333.799đ cho L.

[4] Về lãi suất: Ngày 02/6/2008 hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng và xác nhận Công ty H 05 còn phải thanh toán cho Công ty L là 491.333.799đ theo đúng Điều 7 của hợp đồng và hợp đồng số 18. Tại Điều 7 của hợp đồng quy định: "Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng; các điều khoản khác không ghi trong hợp đồng sẽ được các bên thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành về hợp đồng kinh tế ". Tại Điều 5 của hợp đồng số 18 quy định "… Trường hợp bên Công ty H 05 chậm trả tiền cho bên cho Công ty L hàng tháng phải chịu lãi suất số tiền chậm trả theo lãi suất

Ngân hàng". Tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng quy định " Trường hợp bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu". Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm Công ty L chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 0,75%/ tháng từ 18/7/2008 đến 21/7/2017 là 108,1 tháng. Do vậy, HĐXX giữ nguyên mức lãi suất cấp sơ thẩm đã tính và buộc Công ty T phải thanh toán cho L là 491.333.799đ x 108,1 tháng x 0,75%/ tháng = 398.348.877đ.

[5] Tại phiên tòa, Công ty T trình bày khoản nợ Công ty L , hiện đang được thể hiện tại báo cáo tài chính của Công ty H . Quá trình giải quyết vụ án Công ty H cũng xác nhận khoản nợ của Công ty L là 491.333.799đ được thể hiện trên sổ sách của Công ty H. Do vậy, các bên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả báo cáo tài chính năm.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại: Như đã phân tích ở phần trên hợp đồng số 18 vẫn còn hiệu lực, do vậy Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ. Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đương sự phải nộp là 2.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm chỉ yêu cầu bị đơn nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 300.000đ là không đúng cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử buộc Công ty T phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 1.700.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, điểm c khoản 1 Điều 76, Điều 81 Luật xây dựng năm 2003; khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T. Giữ nguyên án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần L.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu Thịnh Long phải thanh toán cho Công ty cổ phần L số tiền 889.682.676đ (tám trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T phải nộp là 2.000.000đ nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 09032 ngày 08/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T còn phải nộp là 1.700.000đ.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đóng tàu T phải nộp là 38.690.000đ (ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho cho Công ty cổ phần L số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 11.800.000đ (mười một triệu tám trăm nghìn đồng) tại biên lai số BB/2012/06885 ngày 15/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Lai Phạm Tiến Dũng Vũ Thị Thu